

Bản án số: 398/2023/HS-ST

Ngày: 23-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Uyên Thy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Thục
2. Bà Lê Thị Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 553/2023/HSST ngày 20/7/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3332/2023/QĐXXST-HS ngày 08/8/2023, đối với các bị cáo:

1. Phạm Hồng N (tên gọi khác Hùng); giới tính: Nam; sinh ngày: 02/6/1997; tại: tỉnh Lâm Đồng; nơi đăng ký thường trú: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh C; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: phụ xe; con ông Phạm Hồng D, và bà Trịnh Thị E; chung sống như vợ chồng với Hoàng Thị F (là bị cáo trong vụ án), không có con chung; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

+ Ngày 20/11/2015, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân xử phạt 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt U sản” theo Bản án số 255/2015/HSST; chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/4/2016 theo Giấy chứng nhận số 320/GCN của Trại giam Phước Hòa, Bộ Công an; thi hành khoản án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng ngày 15/4/2016 theo Giấy xác nhận số 15/GXN-CCTHA ngày 21/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Tềh, tỉnh Lâm Đồng;

+ Ngày 17/9/2018, bị Công an huyện Đa Tềh, tỉnh Lâm Đồng xử phạt hành chính 500.000 đồng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng” theo Quyết định số 67/QĐ-XPVPHC. Đã nộp phạt theo biên lai thu ngày 03/10/2018 của Ngân hàng TMCP Công T Việt Nam chi nhánh Bảo Lộc, Phòng giao dịch Đa Tềh.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 30/12/2022 (có mặt).

2. Hoàng Thị TH; giới tính: Nữ; sinh ngày: 20/7/1994; tại: tỉnh Lâm Đồng; nơi đăng ký thường trú: Thôn 5, xã G, huyện H, tỉnh C; chỗ ở: 1231/22/4 Tỉnh lộ 43, khu phố 2, phường I, quận J, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc:

Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: công nhân; con ông Hoàng Văn L và bà Nguyễn Thị M; có chồng (đã ly hôn) và có 02 con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2018), chung sống như vợ chồng với Phạm Hồng N (là bị cáo trong vụ án); chưa có con chung; tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 10/8/2022 (có mặt).

3. **Trần Hoài T**; giới tính: Nam; Sinh ngày: 21/7/2000; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 87/19 Lê Thị Hoa, khu phố 3, phường O, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: công nhân; con ông Trần Văn Q và bà Trần Mộng R; chung sống như vợ chồng với bà Lê Thị Bích S, sinh năm 2001, chưa có con chung; tiền án, tiền sự: không

Bị bắt, tạm giam từ ngày 10/8/2022 (có mặt).

- *Người có quyền lợi và N vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Lê Phát U

Địa chỉ: 265/2A V, phường 28, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Ông Lê Đức N

Địa chỉ: 728/6/5A Tỉnh lộ 43, khu phố 3, phường Y, quận z, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn A1

Địa chỉ: 265/2A A2, phường 28, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

2. Ông Lê Thanh C1

Địa chỉ: 434/34/23A A2, phường 28, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

3. Ông Nguyễn Chí D1

Địa chỉ: 87/39 Lê Thị Hoa, khu phố 3, phường E1, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

4. Ông Nguyễn Quốc F1

Địa chỉ: 1139 tỉnh lộ 43, khu phố 2, phường E1, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

5. Ông Nguyễn Thanh G2

Địa chỉ: 15/49 tổ 13, khu phố 1, phường H2, thành phố I2, tỉnh J2 (vắng mặt);

6. Ông Nguyễn Văn K2

Địa chỉ: Cư xá L, đường D4, khu dân cư Chánh N, phường Chánh N, thành phố I2, tỉnh J2 (vắng mặt);

7. Bà Trần Thị Thanh L2

Địa chỉ: 11A M2, khu phố 3, phường N2, quận O2, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các U liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/8/2022, Cơ quan An ninh điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiếp nhận phiếu chuyển nguồn tin về tội phạm cùng U liệu của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung: Ngày 21/5/2022, anh Nguyễn Lê Phát U, chị Huỳnh Phan Thanh P2P2 và một người tên Đạt được Trần Hoài T, Hoàng Thị TH và Phạm Hồng N (tên thường gọi là Hùng) tư vấn, dụ dỗ sang Campuchia làm việc nhẹ, lương cao. Sau khi bị thuyết phục, cả ba người đồng ý đi Campuchia làm việc, N gọi điện cho người tên “Lão Đại” đến đón, N nhờ T thuê 01 xe ô tô loại 7 chỗ chở P2, U, T; “Lão Đại” lái xe 4 chỗ chở Đạt, N. Các đối tượng đã đưa U, P2, Đạt qua Campuchia bằng đường tiểu ngạch; tại Campuchia, U, P2 làm việc cho một công ty do người Trung Quốc làm chủ, bị ép làm công việc lừa đảo qua mạng, thường xuyên bị đánh đập, chích điện, hăm dọa, ép buộc làm việc. Ngày 25/7/2022, U gọi điện được cho cha ruột là ông Nguyễn Văn A1 cầu cứu, ông Giây nhờ nhóm “Hiệp sĩ G2 đường phố cứu người từ Campuchia về không tốn tiền”, G2 giới thiệu ông Giây cho một người tên “Hùng” sau khi thỏa thuận, ông Giây chuyển cho “Hùng” 183.900.000 đồng để chuộc người. Ngày 01/8/2022, “Hùng” đã đưa U về Việt Nam giao cho ông Giây.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm, ngày 10/8/2022, Cơ quan An ninh điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh thi hành Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Hoàng Thị TH và Trần Hoài T về hành vi “Môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép”; quá trình điều tra, căn cứ U liệu chứng cứ thu thập được, ngày 30/12/2022, Cơ quan An ninh điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố vụ án hình sự; Quyết định khởi tố bị can và thi hành Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Phạm Hồng N về hành vi “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép”; ra Quyết định thay đổi Quyết định khởi tố bị can đối với Hoàng Thị TH về hành vi “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép”.

* Quá trình điều tra xác định được hành vi phạm tội của các bị can: Tại Cơ quan điều tra, Phạm Hồng N, Hoàng Thị TH, Trần Hoài T khai nhận phù hợp với nhau về việc bàn bạc, lôi kéo, dụ dỗ và đưa người xuất cảnh trái phép, cụ thể:

- Phạm Hồng N khai nhận: Khoảng cuối tháng 3/2022, khi làm phụ xe cho nhà xe Ngọc Ánh, N quen biết với người phụ nữ tên Mai (không rõ nhân thân lai lịch; là khách đi xe). Mai nói có mở công ty “làm game” và sòng bạc ở Campuchia, cần tìm người làm việc trên máy tính với mức lương từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng/tháng. Mai nhờ N tìm và giới thiệu người sang Campuchia làm việc cho Mai, sẽ trả công cho N số tiền 5.000.000 đồng/người. Mai nói khi có khách thì liên hệ với người đàn ông tên “Hùng” (tên gọi khác: “Lão Đại”, “Sói Đêm”; nhà ở Gò Dầu, Tây Ninh nhưng không rõ địa chỉ cụ thể; sử dụng số điện

thoại: 0335.612.913). Ngày 20/5/2022, N nói Hoàng Thị TH (sống chung như vợ chồng với N) rủ Trần Hoài T (là bạn của TH) đến một quán bờ kè ở thành phố Thủ Đức (không nhớ tên, địa chỉ quán) để ăn uống. T dẫn theo Loan (vợ của T), 02 người đàn ông tên D1 và Phát (không rõ họ, địa chỉ) để cùng ăn uống. Trước đó, N dặn TH nói có người anh mở sòng bạc bên Campuchia đang cần tuyển nhân viên với mức lương 1.000 USD/tháng, được bao ăn ở và yêu cầu TH thuyết phục các bạn của TH sang Campuchia bất hợp pháp bằng đường tiểu ngạch để làm việc, không cần làm thủ tục xuất cảnh. Tại quán ăn, N nói đúng nội dung như đã dặn TH cho mọi người nghe. Sau khi nghe xong thì chỉ có Phát đồng ý sang Campuchia, những người còn lại không đồng ý. Sau đó, D1 chở Phát về nhà lấy đồ, những người còn lại đến quán ăn tên “Bình Tân” ở thành phố Thủ Đức để tiếp tục ăn uống và chờ xe của “Lão đại” đến đón. Khi xe của “Lão đại” đến đón N và Phát đi đến khu vực cổng chào tỉnh Tây Ninh thì dừng lại, “Lão đại” và Phát tiếp tục đi còn N bắt xe khách quay về Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày hôm sau, N và TH đến quán cà phê Cây Xanh ở thành phố Thủ Đức để gặp T, Loan, 02 người đàn ông tên N (là bạn của T), Đạt cùng với Nguyễn Lê Phát U, và vợ U tên Huỳnh Phan Thanh P2. Tại đây, N tiếp tục đề nghị Đạt, N, U và P2 (là khách mà T giới thiệu cho N trước đó) sang Campuchia để làm việc với những thỏa thuận như trường hợp của Phát thì U, P2 và Đạt đồng ý. N nhờ T thuê 01 chiếc ô tô 07 chỗ, biển số 51F-079.52 của ông Nguyễn Quốc F1 để T cùng U, P2 đi chung, giá 1.500.000 đồng/chuyến (đi và về); còn N, “Lão đại” và Đạt đi trên xe ô tô 04 chỗ (hiệu Kia Morning màu đỏ, không nhớ biển số). Khi 02 xe đến khu vực cổng chào tỉnh Tây Ninh thì dừng lại. N cùng T lên xe 07 chỗ do T thuê quay về; còn U, P2 và Đạt cùng “Lão đại” tiếp tục đi. Khi quay về Thành phố Hồ Chí Minh, “Lão đại” gọi điện yêu cầu N ra khu vực trước cổng Khu du lịch Suối Tiên đón 01 người khách của “Lão đại” (không rõ nhân thân lai lịch, nói giọng Bắc), N yêu cầu anh F1 (U xé) chở N và T đến đón người này rồi đưa đến khu vực cổng chào tỉnh Tây Ninh giao cho “Lão đại” đưa đi. Sau đó, N cùng với T quay về thành phố Mới, tỉnh Bình Dương để đón một người đàn ông tên “Vi Cá” (không rõ nhân thân lai lịch, là khách của T giới thiệu) rồi đưa đến Khu vực vòng xoay Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh bàn giao cho “Lão đại” để đưa sang Campuchia. Ngày 23/5/2022, T tiếp tục giới thiệu cho N rồi cùng N đưa một khách nữ tên Chi (không rõ nhân thân lai lịch) đến khu vực cổng chào tỉnh Tây Ninh rồi bàn giao cho “Lão đại”. Đến ngày 24/5/2022, T còn giới thiệu cho N một người đàn ông tên Linh (không rõ nhân thân lai lịch). Lần này, do N bận việc nên nhờ T đưa Linh đến địa phận tỉnh Tây Ninh để bàn giao cho “Lão đại”.

Tổng cộng, N đã tổ chức thành công cho 07 người trốn sang Campuchia để làm việc gồm: Phát, Đạt, U, P2, “Vi Cá”, Chi và Linh. Ngày 23/5/2022, Mai (người phụ nữ quen biết N và yêu cầu tìm người sang Campuchia) đã sử dụng U khoản MBBank số 0974.404.492 chuyển khoản qua U khoản BIDV số 31410001884620 của TH số tiền 50.000.000 đồng, trong đó, Mai trả công cho N số tiền 30.000.000 đồng, còn 20.000.000 đồng là tiền N vay của “Lão đại” để tiêu xài do thời gian này N không có việc làm. Theo yêu cầu của N, TH sử dụng U khoản BIDV của TH chuyển khoản qua U khoản Vietcombank số 1026548463 của N số tiền 35.000.000 đồng, đưa tiền mặt cho N 8.000.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng là N trả công cho TH. Ngoài ra, N đã yêu cầu TH chuyển khoản 2.000.000 đồng và đưa tiền mặt trực

tiếp cho T 500.000 đồng để bồi dưỡng thêm trả công cho T khi giới thiệu thành công 06 khách cho N đưa đi Campuchia, N trực tiếp đưa cho T số tiền 1.000.000 đồng để thanh toán tiền ăn, ở khi đưa Linh đi bàn giao cho “Lão đại”, tổng cộng N đã đưa cho T số tiền là 3.500.000 đồng. Việc Mai chuyển tiền công cho N qua U khoản của TH là do Mai yêu cầu N pG2 cung cấp một U khoản khác, không pG2 U khoản của N thì Mai mới chuyển tiền.

- Hoàng Thị TH khai nhận: Khoảng tháng 02/2022, TH quen biết và sống chung như vợ chồng với Phạm Hồng N (tên thường gọi là Hùng). Khoảng giữa tháng 05/2022, N nói với TH có người anh tên “Hùng” mở sòng bạc bên Campuchia, đang cần tuyển nhân viên với mức lương từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, đi bằng đường tiểu ngạch để sang Campuchia làm việc, không cần làm thủ tục và không tốn phí xuất cảnh, nếu đưa người sang Campuchia thành công thì N sẽ được trả công số tiền 5.000.000 đồng/người. N đề nghị TH cùng N thuyết phục các bạn hoặc người quen sang Campuchia làm việc, nếu những người này đi được, khi được trả công thì N sẽ chia cho TH thì TH đồng ý. Sau đó, TH đã cùng N rủ rê, lôi kéo, thuyết phục được Nguyễn Lê Phát U, Huỳnh Phan Thanh P2, Phát, Đạt trốn sang Campuchia làm việc. Ngoài ra, TH còn sử dụng U khoản ngân hàng của mình nhận tiền công cho N từ đối tượng Mai, theo yêu cầu của N chuyển lại tiền cho N, chuyển trả tiền công cho T phù hợp với lời khai của N.

- Trần Hoài T khai nhận: T quen biết với Hoàng Thị TH vào năm 2019 khi còn làm việc chung tại một công ty giày da. Khoảng 17 giờ ngày 20/5/2022, TH điện thoại rủ T đến quán Đồng Xanh ở thành phố Thủ Đức để ăn uống. Khi đến, T có rủ Nguyễn Chí D1 và Phát (không rõ nhân thân lai lịch) là bạn của T cùng đi gặp TH và N; khi gặp TH giới thiệu N là chồng TH. N cho biết có người anh cũng tên “Hùng” mới mở Casino bên Campuchia, cần tuyển nhân viên với mức lương 1.000 USD/người (bao ăn, ở), sẽ có người đón đưa đi bằng đường tiểu ngạch mà không cần làm các thủ tục xuất cảnh và đề nghị T, Phát, D1 tham gia nhưng chỉ có Phát đồng ý, nên N tiếp tục đề nghị T tìm và giới thiệu khách cho N. Nếu thành công thì N sẽ trả công cho T số tiền là 500.000 đồng/người thì T đồng ý. Sau đó, T đã giới thiệu cho N 06 người gồm: Nguyễn Lê Phát U, Huỳnh Phan Thanh P2, Đạt, Chi, Linh, “Vi cá” để N tổ chức trốn sang Campuchia làm việc và nhận tiền công 2.500.000 đồng do TH đưa và chuyển khoản theo yêu cầu của N.

* Kết quả ghi lời khai người làm chứng, người có liên quan:

- Nguyễn Lê Phát U khai phù hợp với N, T, TH về việc sau khi được T giới thiệu, N và TH rủ rê, thuyết phục thì đồng ý đi Campuchia cùng P2 và Đạt để làm việc. Sau đó, “Lão Đại” đi xe ô tô 04 chỗ màu đỏ đến; T thuê 01 xe ô tô 07 chỗ màu trắng, U, P2 và T đi trên xe ô tô 07 chỗ, N và Đạt đi trên xe ô tô 04 chỗ. Cả hai xe đi đến khu vực Cổng chào tỉnh Tây Ninh thì dừng lại. Sau đó, có 01 xe ô tô 07 chỗ của “Lão Đại” đến đón U, P2 và Đạt đi tiếp đến khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia, còn T và N thì đi về. Khi đến khu vực giáp biên giới Campuchia, U, P2 và Đạt được người của “Lão Đại” (không nhân thân lai lịch) đưa vượt biên giới Việt Nam - Campuchia bằng đường tiểu ngạch (đường mòn) rồi đến một sòng bạc (không rõ tên, địa chỉ, chỉ thấy biển hiệu ghi “999”). Sau đó, U, P2 và Đạt được đưa đến một khu tập trung (không rõ địa chỉ). Tới nơi, có 01 người Việt Nam và 01 người Trung Quốc (không rõ nhân thân lai lịch) kiểm tra khả năng sử dụng máy

tính. Đạt không biết sử dụng máy tính nên bị đưa đi đâu U không rõ. Ngày 22/5/2022, U và P2 được đưa đến Công ty Gia Long trong khu China Town (không rõ địa chỉ) do người Trung Quốc làm chủ. Tại đây, U và P2 thỏa thuận với người quản lý tên “Đại Hải” (người Trung Quốc, không rõ nhân thân lai lịch) làm công việc “lừa đảo qua mạng internet” với mức lương tháng đầu tiên là 600 USD/người, các tháng tiếp theo là 200 USD/người và hưởng thêm 10% doanh thu. Quá trình làm việc tại Công ty Gia Long, U được công ty trả lương, trong đó tháng 5/2022 là 120 USD, lương tháng 6/2022 là 600 USD và tháng 7/2022 là 300 USD, còn tiền lương của P2 thì U không nhớ. Tuy nhiên, sau khi làm việc được 02 tháng thì U thấy công việc không phù hợp và thường xuyên bị đánh đập, chích điện, hăm dọa, ép buộc làm việc vì công việc không đạt hiệu quả nên U xin về Việt Nam. Tuy nhiên, người của phía công ty nói nếu muốn về Việt Nam thì U phải chuyển tiền bồi thường hợp đồng. Ngày 15/7/2022, U gọi điện về nhà cho cha ruột là ông Nguyễn Văn A1 nói chuyển tiền chuộc U về. U báo với ông Giấy số tiền chuộc U là 130.000.000 đồng, đây là số tiền mà phía Công ty Gia Long báo là tiền ăn ở và đền bù hợp đồng. Sau đó, ông Giấy báo U biết có người đàn ông tên Hùng (không rõ nhân thân lai lịch; sử dụng số điện thoại 0977.791.161), nói U kết bạn zalo với người này. Đến ngày 30/7/2022, U nói Hùng chuyển 130.000.000 đồng vào U khoản do phía Công ty Gia Long cung cấp vì U nghe ông Giấy báo đã chuyển tiền cho Hùng. Sau đó, Hùng gửi hình ảnh chuyển khoản từ U khoản MBBank số 0977791161 tên Phạm Văn Hùng chuyển khoản vào U khoản BIDV số 18110000363100 tên Lê Văn Nho (do phía Công ty Gia Long cung cấp). Sau đó, U được phía Công ty Gia Long sắp xếp cho xe đưa ra khỏi công ty đến khách sạn, đồng thời người đưa U ra yêu cầu U chuyển khoản số tiền 8.900.000 đồng vào U khoản Agribank số 2504205765458 tên “Luc Van Hai”. U thông báo và đề nghị Hùng chuyển giúp cho U. Hùng chuyển tiền xong thì gửi hình ảnh thông tin chuyển khoản từ U khoản MBBank số 0977.791.161 đến U khoản Agribank nêu trên số tiền 8.900.000 đồng. U được đưa đến 01 khách sạn ở Campuchia, rồi gửi vị trí hình ảnh định vị qua cho Hùng thì Hùng nói 03 giờ sáng sẽ đến đón U, yêu cầu U ở yên trong phòng. Sau đó, Hùng cho xe đến đón U rồi đưa U về Việt Nam qua đường “tiểu ngạch” rồi giao U cho ông Giấy.

- Đối với Nguyễn Văn A1 (là cha ruột của U) trình bày: Khoảng 23 giờ 15’ ngày 15/7/2022, ông Giấy nhận được cuộc gọi của U qua ứng dụng Zalo cầu cứu đưa về Việt Nam. Sau đó, thông qua mạng xã hội Youtube, ông Giấy liên lạc với nhóm hiệp sĩ Nguyễn Thanh G2 (tỉnh Bình Dương) nhờ đưa U về Việt Nam. Khi gặp mặt, G2 hướng dẫn ông Giấy viết đơn cầu cứu rồi chuyển cho Phạm Văn Hùng là thành viên nhóm hiệp sĩ đang ở Campuchia, U nói với ông Giấy công ty Gia Long yêu cầu trả 130.000.000 đồng để bồi thường hợp đồng. Khi ông Giấy liên lạc với Hiệp thì Hiệp yêu cầu chuyển số tiền 183.900.000 đồng, trong đó: tiền trả cho công ty Gia Long là 130.000.000 đồng; tiền thuê xe, khách sạn cho U nghỉ để đưa U về Việt Nam là 45.000.000 đồng; tiền ăn, ở của U tại Công ty Gia Long là 8.900.000 đồng. Ông Giấy nhờ em rể là ông Lê Thanh C1 vay tiền và chuyển khoản cho Hùng qua U khoản số 0977.791.161, mở tại Ngân hàng MBBank, chủ U khoản tên “Phạm Văn Hùng”. Sau khi chuyển đủ số tiền trên, đến 03 giờ 00’ ngày 01/8/2022, Hùng đưa U về đến Bình Dương giao cho ông Giấy.

- Đối với Lê Thanh C1 (là em rể của Giấy) trình bày phù hợp với lời khai của Giấy về việc giúp Giấy vay tiền và chuyển khoản cho Phạm Văn Hùng để Hùng đưa Nguyễn Lê Phát U về Việt Nam.

Do Nguyễn Văn A1 và Lê Thanh C1 không biết việc U và Huỳnh Phan Thanh P2P2 xuất cảnh trái phép sang Campuchia để làm việc cho đến khi U liên hệ nhờ chuyển tiền chuộc U. Do đó, Cơ quan An ninh điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh triệu tập, ghi lời khai với tư cách là người có quyền lợi và N vụ liên quan.

- Lê Đức N khai: Khoảng tháng 05/2022, Trần Hoài T rủ N đến quán Cây Xanh trên đường Lê Thị Hoa, phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức để uống cà phê. Tại đây, N gặp T, Loan, N (tên thường gọi là Hùng), TH, Đạt, U, P2. N nghe TH và N thuyết phục mọi người qua Campuchia bằng đường tiểu ngạch, làm việc mức lương cao thì có U, P2 và Đạt đồng ý đi. Khoảng 17 giờ chiều cùng ngày, có 02 chiếc xe ô tô chạy đến quán cà phê đón thì thấy U, P2 và Đạt cùng với T và N đi trên 02 xe ô tô để sang Campuchia, những người còn lại thì ra về. Ngoài ra, T còn nói với N có giới thiệu thêm được một người phụ nữ tên Chi cho N để đưa đi Campuchia làm việc.

Khoảng vài ngày sau, T rủ N đi Tây Ninh chơi do T có giới thiệu 01 người bạn của T và N là Linh cho N đưa sang Campuchia làm việc. N bận nên nhờ T đưa Linh đi, N đi cùng T chứng kiến khi đưa Linh đến tỉnh Tây Ninh giao cho một xe ô tô khác chở đi thì khoảng 20 phút sau T nhận được điện thoại báo là Linh không chịu đi nữa nên T đã kêu xe quay lại đón Linh về 01 khách sạn ở huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh (không nhớ tên, địa chỉ). Đến sáng hôm sau, N đến khách sạn rồi trao đổi với T nhưng N không rõ việc gì. Sau đó, T nói với N là N đã cho người đưa Linh đi rồi, còn cụ thể ra sao thì Linh không rõ. T đưa cho N số tiền 300.000 đồng nói là N cho N vì đi cùng T. Sau đó, N, T cùng N về thành phố Hồ Chí Minh. Trên đường về, N đã đưa lại cho T số tiền 300.000 đồng nêu trên để cùng nhau đi ăn uống sau khi về lại thành phố Hồ Chí Minh. N nhận thức được việc đưa người xuất cảnh từ Việt Nam sang Campuchia trái phép là vi phạm pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, N không có thỏa thuận gì với T và N về việc đưa Linh đi Tây Ninh nhằm mục đích xuất cảnh sang Campuchia để làm việc, N chỉ đi chơi chứ không tham gia giúp đỡ cho T và N trong việc đưa người đi Campuchia. N không giúp sức gì cho T và N trong chuyến đi cũng như không có thỏa thuận với 02 người này về việc môi giới, tổ chức đưa người xuất cảnh trái phép nên chưa đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với Lê Đức N. Cơ quan An ninh điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh chỉ triệu tập, ghi lời khai với tư cách là người có quyền lợi và N vụ liên quan.

- Nguyễn Chí D1 khai: Chiều ngày 20/5/2022, Trần Hoài T là bạn chơi chung từ nhỏ với D1 rủ D1 đến quán ăn gần bờ kè (không nhớ tên, địa chỉ) để ăn uống. Tại đây, D1 gặp Phát là bạn của T và D1, TH, Hùng (N), khi ngồi ăn uống thì N và TH dụ dỗ, lôi kéo T, D1, Phát vượt biên qua Campuchia là việc tại sông bài với mức lương cao. Nghe xong, T và D1 không đi còn Phát đồng ý đi. Hùng (N) nói T và D1 là nếu có người nào muốn đi thì giới thiệu cho N, nếu đưa người sang Campuchia thành công thì N sẽ trả công 500.000 đồng/người. T đồng ý, còn D1 không nói gì. Sau đó, Phát nhờ D1 chở Phát về phòng trọ lấy đồ rồi chở Phát đến một quán ăn khác ở thành phố Thủ Đức (không nhớ tên, địa chỉ). Tại quán, D1 thấy Hùng, T và TH đang đợi sẵn để tiếp tục ăn uống. Sau đó, có 01 xe ô tô 04 chỗ

(không nhớ loại xe, biển số) đến đón Hùng (N) và Phát đi. D1 chỉ nghe mọi người nói là đi Tây Ninh, còn cụ thể thì D1 không rõ. Sau đó, TH, T và D1 đi về nhà. D1 chỉ gặp Hùng (N), TH lần này, không liên quan đến việc tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép. Cơ quan An ninh điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh chỉ triệu tập, ghi lời khai với tư cách là người làm chứng.

- Đối với Nguyễn Quốc F1 (U xé) trình bày: Khoảng giữa tháng 5/2022, có bạn là Trần Hoài T gọi điện hỏi thuê F1 chở khách từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Tây Ninh, sau đó, T đưa điện thoại cho N thỏa thuận về giá cả thuê xe, ông F1 là người lái xe đón nhiều người tại các địa điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Đồng Nai chở đến tỉnh Tây Ninh với giá 1.500.000 đồng/chuyến (đi và về) phù hợp với lời khai của N và T.

Việc F1 làm U xé đưa Nguyễn Lê Phát U, Huỳnh Phan Thanh P2, “Vi Cá” và Chi đi Tây Ninh là do N thuê, F1 không biết những người này được N tổ chức trốn sang Campuchia trái phép cũng như không có thỏa thuận gì với N. Do đó, Cơ quan An ninh điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh triệu tập, ghi lời khai với tư cách là người có quyền lợi và N vụ liên quan.

- Nguyễn Thanh G2 và Nguyễn Văn K2 là thành viên nhóm hiệp sĩ ở tỉnh Bình Dương khai nhận phù hợp với lời khai của Nguyễn Lê Phát U và ông Nguyễn Văn A1 về việc nhận tiền và chuộc U từ Campuchia về Việt Nam. G2 lập kênh mạng xã hội YouTube và thường đăng tải những video về việc giải cứu người Việt Nam từ Campuchia về nước. Trước đó cũng có nhiều người nhờ nhóm của G2 giải cứu nên G2 không nhớ ông Giầy và U. Khi có người đến nhờ, G2 hướng dẫn họ làm đơn trình bày rõ sự việc và thông tin của người cần giải cứu. Sau đó, G2 sẽ gửi những thông tin này cho một người đàn ông tên Thành (không rõ tên tuổi, địa chỉ; làm việc trong Đại sứ quán Việt Nam tại Campuchia) để Thành liên hệ kiểm tra. Nếu có thông tin, Thành sẽ báo lại cho Hải, nhóm của G2 sẽ cử người trực tiếp đi Campuchia qua Cửa khẩu Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh đến gặp Cảnh sát hoàng gia Campuchia để nhờ giúp đỡ tìm người. Nếu tìm thấy thì Cảnh sát hoàng gia Campuchia sẽ tiến hành làm thủ tục trao trả người cho Đoàn Biên phòng Việt Nam tại Cửa khẩu Mộc Bài. Sau khi tiếp nhận, Đoàn Biên phòng sẽ đưa về Việt Nam và G2 sẽ đứng ra nhận những người này đưa về tận nhà trao trả cho người thân của họ.

Kết quả xác minh tại Cục quản lý xuất, nhập cảnh (A08) - Bộ Công an, xác định: Nguyễn Thanh Hải, Nguyễn Văn K2 và Phạm Văn Hùng chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nên chưa đủ căn cứ để xử lý hình sự về tội “Vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh” quy định tại Điều 347 Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, Phạm Văn Hùng là người trực tiếp nhận tiền của ông Giầy để tổ chức đưa U về Việt Nam bằng đường “tiểu ngạch”, nhưng kết quả điều tra đến nay chưa xác định được nơi cư trú của Hùng nên chưa thể triệu tập ghi lời khai để làm rõ. Do đó, chưa có căn cứ để xác định những đối tượng này có liên quan đến việc tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép hay không. Cơ quan An ninh điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh sẽ tiếp tục xác minh, triệu tập ghi lời khai, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

- Chị Trần Thị Phương trình bày: có quen biết với Trần Hoài T; Hoàng Thị TH và Hùng (N). Quá trình quen biết, Phương cùng T, TH và N thường xuyên đi ăn

và uống cà phê cùng nhau nhưng Phương không được những người này đề cập tới việc tìm kiếm người đưa qua Campuchia làm việc với mức lương cao.

- Chị Trần Thị Thanh L2 trình bày: L2 chung sống như vợ chồng với Nguyễn Vũ Linh (sinh năm 1999; thường trú: 750/3 Ấp Giồng Giữa, xã Hiệp Thành, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu), đến năm 2019 thì chia tay, L2 về sinh sống cùng mẹ ruột còn Linh đi đâu thì L2 không rõ. Khoảng giữa tháng 5/2022, L2 biết việc Linh có liên hệ với Trần Hoài T là anh em họ hàng của L2 đề trao đổi về việc tìm kiếm việc làm với mức thu nhập cao nhưng L2 không biết làm việc gì, ở đâu. Đến ngày 25/5/2022, L2 có nhận được số tiền 2.500.000 đồng từ U khoản Vietcombank số 0001026548463 tên “PHAM HONG NHAC” chuyển đến U khoản BIDV số 31410004150126 của L2, đến ngày 27/5/2022, Linh gọi điện nói là tiền của Linh nhờ gửi để mua tã, sữa cho con. Ngày 01/6/2022, Thủy tiếp tục nhận được số tiền 1.000.000 đồng từ U khoản Vietinbank số 104872936761 tên Đặng Vũ Linh. Sau này, mẹ Linh tên Kim Thủy (không rõ địa chỉ; chỉ biết nhà ở thành phố Thủ Đức) có báo cho L2 biết Linh bị lừa bán sang Campuchia để lao động, yêu cầu tiền chuộc để cho Linh về Việt Nam. L2 nói việc này để mẹ Linh giải quyết nhưng sau đó mẹ Linh giải quyết như thế nào thì L2 không biết. L2 chỉ biết việc Linh bị các đối tượng xấu lừa bán qua Campuchia làm việc, còn việc đi với ai, đi như thế nào thì L2 không biết.

- Đặng Vũ Lâm là anh ruột Đặng Vũ Linh trình bày: sau khi học xong lớp 11, Linh bỏ đi khỏi địa phương lao động để kiếm sống. Từ đó đến nay, Linh rất ít khi về thăm gia đình. Hiện tại, nhà ở xã Phước Bình, thị xã Trảng Bàng, ngoài Lâm thì còn có mẹ Lâm là bà Vũ Ngọc Châu và em ruột Lâm là Đặng Vũ Len sinh sống. Tuy nhiên, do Linh ít liên hệ với gia đình nên họ không biết hiện tại Linh làm gì, ở đâu.

- Lê Thị Bích Loan là người chung sống như vợ chồng với T trình bày: Ngày 21/5/2022, T, Loan và Chiêu Anh, là em họ của T đến quán cà phê Cây Xanh để uống cà phê thì gặp Hùng (N), TH, Lê Đức N, Đạt, U, P2, là bạn của T. Loan nghe TH và Hùng nói về việc làm bên Campuchia cho mấy người này nghe nhưng Loan không nghe rõ cụ thể. Sau đó, T nói với Loan là T sẽ đi Tây Ninh cùng với Hùng (N) vì trên đó có quán ăn ngon và đi cho vui. Một lúc sau, có xe ô tô đến đón T, Hùng, Đạt, U, P2 đi Tây Ninh, còn Loan, TH, N và Chiêu Anh thì ra về. Sau này, Loan nghe tin T bị bắt vì liên quan đến việc đưa người xuất cảnh trái phép sang Campuchia. Loan không biết và không tham gia trong việc tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép. Cơ quan An ninh điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh triệu tập, ghi lời khai với tư cách là người làm chứng.

Kết quả xác minh các U khoản ngân hàng; kiểm tra, thu giữ dữ liệu điện tử; kết quả nhận dạng, đối chất phù hợp với lời khai của các bị can và các đối tượng liên quan trong vụ án.

Đối với 09 trường hợp là các bị can và người liên quan trong vụ án, Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an xác định: Phạm Hồng N, Trần Hoài T, Hoàng Thị TH, Lê Đức N, Nguyễn Lê Phát U, Huỳnh Phan Thanh P2, Phạm Văn Hùng, Nguyễn Thanh G2 và Nguyễn Văn K2 đều chưa bị xử phạt hành chính trên lĩnh vực xuất nhập cảnh; 07/09 trường hợp không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh, riêng trường hợp của Nguyễn Thanh G2 được cấp hộ chiếu 03 lần, đã xuất nhập cảnh

40 lượt (lần cuối cùng nhập cảnh vào ngày 16/01/2022); Phạm Văn Hùng được cấp 02 hộ chiếu nhưng chưa có thông tin xuất nhập cảnh.

Đối với người đàn ông tên “Hùng” (tức “Lão Đại”) và người phụ nữ tên Mai là những đối tượng thuê Phạm Hồng N móc nối, lôi kéo người để “Hùng” và Mai tổ chức cho những người này trốn sang Campuchia làm việc. Quá trình điều tra xác minh đến nay chưa xác định được nhân thân lai lịch, địa chỉ nơi cư trú nên chưa thể triệu tập ghi lời khai. Cơ quan An ninh điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh sẽ tiếp tục xác minh, triệu tập ghi lời khai, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với “Lê Văn Nho”, “Lục Văn Hai” là những người đã nhận tiền chuyển khoản từ Phạm Văn Hùng trong việc tổ chức đưa Nguyễn Lê Phát U về Việt Nam và Đặng Vũ Linh là người chuyển tiền cho Trần Thị Thanh Thủy. Quá trình điều tra xác minh đến nay chưa xác định được nhân thân lai lịch, địa chỉ nơi cư trú nên chưa thể triệu tập ghi lời khai. Cơ quan An ninh điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh sẽ tiếp tục xác minh, triệu tập ghi lời khai, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với Huỳnh Phan Thanh P2, Phát, Đạt, Linh, Chi, “Vi Cá” là những người được Phạm Hồng N tổ chức cho xuất cảnh trái phép sang Campuchia để làm việc. Quá trình điều tra xác minh đến nay chưa xác định được nhân thân lai lịch, địa chỉ nơi cư trú nên chưa thể triệu tập ghi lời khai. Cơ quan An ninh điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh sẽ tiếp tục xác minh, triệu tập ghi lời khai, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 189/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 30/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Phạm Hồng N và Hoàng Thị TH về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Trần Hoài T về tội “Môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố và trình bày:

Xét thấy Phạm Hồng N có nhân thân xấu, từng bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân xử phạt 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt U sản” theo Bản án số 255/2015/HSST và ngày 17/9/2018, bị Công an huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng xử phạt hành chính 500.000 đồng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng” theo Quyết định số 67/QĐ-XPVPHC, nên đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm b, c khoản 2, khoản 4 Điều 349; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Hồng N từ 06 năm đến 07 năm tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép”; phạt bị cáo 10.000.000 đồng.

Xét thấy hai bị cáo Hoàng Thị TH và Trần Hoài T chưa có tiền án tiền sự, nhân thân tốt, trong quá trình điều tra TH đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra khai ra N, do đó áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 349; điểm s, t khoản 1 Điều 51,

Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt Hoàng Thị TH từ 04 năm đến 05 năm tù và áp dụng điểm b, c khoản 2, khoản 4 Điều 349; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt Trần Hoài T từ 05 năm đến 06 năm tù về tội “Môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép”.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận và trong lời nói sau cùng, các bị cáo đã ăn năn, hối cải về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các U liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai nhận tội của các bị cáo Phạm Hồng N, Hoàng Thị TH và Trần Hoài T tại phiên tòa cũng như các U liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Khoảng cuối tháng 3/2022, khi làm phụ xe cho nhà xe Ngọc Ánh, N quen biết với người phụ nữ tên Mai (không rõ nhân thân lai lịch, là khách đi xe). Mai nói có mở công ty “làm game” và sòng bạc ở Campuchia, cần tìm người làm việc trên máy tính với mức lương từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng/tháng. Mai nhờ N tìm và giới thiệu người sang Campuchia làm việc cho Mai, sẽ trả công cho N số tiền 5.000.000 đồng/người. Mai nói khi có khách thì liên hệ với người đàn ông tên “Hùng” (tên gọi khác: “Lão Đại”, “Sói Đêm”; nhà ở Gò Dầu, Tây Ninh nhưng không rõ địa chỉ cụ thể; sử dụng số điện thoại: 0335.612.913).

Phạm Hồng N đã tổ chức thành công cho 07 người trốn sang Campuchia để làm việc gồm: Phát, Đạt, U, P2, “Vi Cá”, Chi và Linh. Ngày 23/5/2022, Mai (người phụ nữ quen biết N và yêu cầu tìm người sang Campuchia) đã sử dụng U khoản MBBank số 0974.404.492 chuyển khoản qua U khoản BIDV số 31410001884620 của TH số tiền 50.000.000 đồng,

Theo yêu cầu của N, TH sử dụng U khoản BIDV của TH chuyển khoản qua U khoản Vietcombank số 1026548463 của N số tiền 35.000.000 đồng, đưa tiền mặt cho N 8.000.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng là N trả công cho TH. Ngoài ra, N đã yêu cầu TH chuyển khoản 2.000.000 đồng và đưa tiền mặt trực tiếp cho T 500.000 đồng để bồi dưỡng thêm trả công cho T khi giới thiệu thành công 06 khách cho N đưa đi Campuchia, N trực tiếp đưa cho T số tiền 1.000.000 đồng để thanh toán tiền ăn, ở khi đưa Linh đi bàn giao cho “Lão đại”, tổng cộng N đã đưa cho T số tiền là 3.500.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Phạm Hồng N, Hoàng Thị TH đã phạm vào tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép” thuộc trường hợp phạm tội hai lần trở lên và đối với 5 đến 10 người, quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; hành vi của bị cáo Trần Hoài T đã phạm vào tội “Môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo Phạm Hồng N, Hoàng Thị TH và Trần Hoài T là rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập cảnh, nên cần có mức án nghiêm khắc nhằm cải tạo giáo dục riêng đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Đối với Nguyễn Lê Phát U có hành vi xuất cảnh và ở lại Campuchia trái phép, tuy nhiên chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, nên không đủ căn cứ để xử lý.

Đối với Lê Đức N không có thỏa thuận gì với T và N về việc đưa Linh đi Tây Ninh nhằm mục đích xuất cảnh sang Campuchia để làm việc, N chỉ đi chơi chứ không tham gia giúp đỡ cho T và N trong việc đưa người đi Campuchia.

Đối với Nguyễn Văn A1 và Lê Thanh C1 không biết việc U và Huỳnh Phan Thanh P2P2 xuất cảnh trái phép sang Campuchia để làm việc cho đến khi U liên hệ nhờ chuyển tiền chuộc U.

Đối với Nguyễn Thanh G2 và Nguyễn Văn K2 là thành viên nhóm hiệp sĩ ở tỉnh Bình Dương khai nhận phù hợp với lời khai của Nguyễn Lê Phát U và ông Nguyễn Văn A1 về việc nhận tiền và chuộc U từ Campuchia về Việt Nam. Kết quả xác minh tại Cục quản lý xuất, nhập cảnh (A08) - Bộ Công an, xác định: Nguyễn Thanh Hải, Nguyễn Văn K2 và Phạm Văn Hùng chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nên chưa đủ căn cứ để xử lý hình sự về tội “Vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh” quy định tại Điều 347 Bộ luật Hình sự. Phạm Văn Hùng là người trực tiếp nhận tiền của ông Giầy để tổ chức đưa U về Việt Nam bằng đường “tiểu ngạch”, nhưng kết quả điều tra đến nay chưa xác định được nơi cư trú của Hùng nên chưa thể triệu tập ghi lời khai để làm rõ.

Đối với Nguyễn Quốc F1 (U xé): Việc F1 làm U xé đưa Nguyễn Lê Phát U, Huỳnh Phan Thanh P2, “Vi Cá” và Chi đi Tây Ninh là do N thuê, F1 không biết những người này được N tổ chức trốn sang Campuchia trái phép cũng như không có thỏa thuận gì với N.

Đối với 09 trường hợp là các bị can và người liên quan trong vụ án, Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an xác định: Phạm Hồng N, Trần Hoài T, Hoàng Thị TH, Lê Đức N, Nguyễn Lê Phát U, Huỳnh Phan Thanh P2, Phạm Văn Hùng, Nguyễn Thanh G2 và Nguyễn Văn K2 đều chưa bị xử phạt hành chính trên lĩnh vực xuất nhập cảnh; 07/09 trường hợp không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh, riêng trường hợp của Nguyễn Thanh G2 được cấp hộ chiếu 03 lần, đã xuất nhập cảnh 40 lượt (lần cuối cùng nhập cảnh vào ngày 16/01/2022); Phạm Văn Hùng được cấp 02 hộ chiếu nhưng chưa có thông tin xuất nhập cảnh.

Đối với người đàn ông tên “Hùng” (tức “Lão Đại”) và người phụ nữ tên Mai là những đối tượng thuê Phạm Hồng N móc nối, lôi kéo người để “Hùng” và Mai tổ chức cho những người này trốn sang Campuchia làm việc. Quá trình điều tra xác minh đến nay chưa xác định được nhân thân lai lịch, địa chỉ nơi cư trú nên chưa thể triệu tập ghi lời khai.

Đối với “Lê Văn Nho”, “Lục Văn Hai” là những người đã nhận tiền chuyển khoản từ Phạm Văn Hùng trong việc tổ chức đưa Nguyễn Lê Phát U về Việt Nam và Đặng Vũ Linh là người chuyển tiền cho Trần Thị Thanh Thủy. Quá trình điều tra xác minh đến nay chưa xác định được nhân thân lai lịch, địa chỉ nơi cư trú nên chưa thể triệu tập ghi lời khai.

Đối với Huỳnh Phan Thanh P2, Phát, Đạt, Linh, Chi, “Vi Cá” là những người được Phạm Hồng N tổ chức cho xuất cảnh trái phép sang Campuchia để làm việc. Quá trình điều tra xác minh đến nay chưa xác định được nhân thân lai lịch, địa chỉ nơi cư trú nên chưa thể triệu tập ghi lời khai.

Do đó, chưa có căn cứ để xác định những đối tượng này có liên quan đến việc tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép hay không. Cơ quan An ninh điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh sẽ tiếp tục xác minh, triệu tập ghi lời khai, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

[5] Về thu lợi bất chính: Bị cáo Phạm Hồng N được trả công 50.000.000 đồng, sau đó N chia lại cho TH 5.000.000 đồng, chuyển khoản cho T 2.000.000 đồng và giao tiền mặt cho T là 1.500.000 đồng, tổng cộng 3.500.000 đồng, do đó cần buộc các bị cáo nộp lại số tiền này để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Ghi nhận bà Trần Mộng Nên là mẹ ruột của T đã nộp lại 2.000.000 đồng thu lại bất chính, do đó T còn pG2 nộp thêm 1.500.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Redmi 9C, màu xanh thu giữ của bị cáo Phạm Hồng N; N khai sử dụng để liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Đối với: 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 9S, màu xanh và 01 thẻ BIDV mang tên Trần Hoài T, thu giữ của bị cáo Trần Hoài T; T khai sử dụng điện thoại để liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội và sử dụng thẻ ngân hàng để nhận tiền công từ N; nên tịch thu điện thoại nộp vào ngân sách Nhà nước và tịch tiêu hủy đối với thẻ ngân hàng;

- Đối với: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5, màu trắng và 01 thẻ BIDV mang tên Hoàng Thị TH, thu giữ của bị cáo Hoàng Thị TH, TH khai sử dụng điện

thoại để liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội và sử dụng thẻ ngân hàng để nhận tiền công giúp N; nên tịch thu điện thoại nộp vào ngân sách Nhà nước và tịch tiêu hủy đối với thẻ ngân hàng;

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu đỏ, đã bị hư hỏng, vỡ màn hình, không kiểm tra được dữ liệu bên trong, thu giữ của ông Nguyễn Lê Phát U trả lại cho ông U;

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu xanh thu giữ của ông Lê Đức N trả lại cho ông N.

[7] Về án phí: Các bị cáo pG2nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm b, c khoản 2, khoản 4 Điều 349; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Hồng N 7 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép”. Thời hạn tù tính từ ngày 30/12/2022.

Buộc bị cáo Phạm Hồng N nộp phạt số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 349; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị TH 5 (năm) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép”. Thời hạn tù tính từ ngày 10/8/2022.

3. Áp dụng điểm b, c khoản 2, khoản 4 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Hoài T 6 (sáu) năm tù về tội “Môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép”. Thời hạn tù tính từ ngày 10/8/2022.

Buộc bị cáo Trần Hoài T nộp phạt số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Buộc bị cáo Phạm Hồng N nộp lại số tiền 31.500.000 (ba mươi một triệu năm trăm ngàn) đồng thu lợi bất chính để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Hoàng Thị TH nộp lại số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng thu lợi bất chính để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Trần Hoài T nộp lại số tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm ngàn) đồng thu lợi bất chính để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Ghi nhận bị cáo đã nộp số tiền 2.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 07/4/2023 vào U khoản số 3949.0.9061594.00000 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí

Mình mở tại Kho bạc Nhà nước quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo còn pG2nộp thêm số tiền 1.500.000 đồng.

5. Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Redmi 9C màu xanh, số Imei1 864066055692756, số Imei2 864066056892751 (thực nhận 01 điện thoại di động hiệu Redmi kiểu dáng 9C màu xanh, không kiểm tra Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong); 01 điện thoại di động hiệu Oppo A5 màu trắng, số Imei1 861516041061170, số Imei2 861516041061162 (thực nhận 01 điện thoại di động hiệu Oppo kiểu dáng A5 màu trắng, không kiểm tra Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong); 01 điện thoại di động Redmi Note 9S màu xanh, số Imei1 866689041221378, số Imei2 866689041621379 (thực nhận 01 điện thoại di động hiệu Redmi kiểu dáng Note 9S màu xanh, không kiểm tra Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ BIDV số 9704180000015103799 tên Trần Hoài T; 01 thẻ BIDV số 9704180000041874827 tên Hoàng Thị TH.

- Giao trả lại cho ông Nguyễn Lê Phát U 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu đỏ, đã bị hư hỏng, vỡ màn hình, không xác định được Imei (không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong);

- Giao trả lại cho ông Lê Đức N 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu xanh, số Imei1 866109049195532, số Imei2 866109049195524 (không kiểm tra Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong).

(Theo biên bản giao nhận tang U vật số NK2023/244 ngày 12/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh)

Mỗi bị cáo pG2nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo và ông Lê Đức N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi N vụ liên quan trong vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- | | |
|--------------------------------|------|
| - TAND tối cao; | (1) |
| - TAND cấp cao tại TP.HCM; | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (3) |
| - Phòng PV06 - Công an TP.HCM; | (1) |
| - Bị cáo; | (3) |
| - Dương sự; | (9) |
| - Trại giam; | (1) |
| - Cục THA Dân sự TP.HCM; | (1) |
| - THA Hình sự; | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (3) |
| - Sở Tư pháp TP.HCM; | (1) |
| - Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (36) | (11) |

Phạm Uyên Thy

